

Gia Lai, ngày 03 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1.	<p>Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Phạm vi: Quyết định này quy định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện</p>	<p>quy định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn tỉnh Gia Lai và đối tượng áp dụng</p>
Điều 2.	<p>Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Xe buýt điện là xe có sức chứa từ 08 hành khách trở lên (không kể chỗ của người lái xe), được thiết kế theo quy chuẩn do Bộ Xây dựng quy định, được phân loại như sau:</p> <p>a) Xe buýt điện lớn là xe buýt có sức chứa từ 61 hành khách trở lên.</p> <p>b) Xe buýt điện trung bình là xe buýt có sức chứa từ 41 hành khách đến 60 hành khách.</p>	<p>Giải thích từ ngữ</p>

	<p>c) Xe buýt điện nhỏ là xe buýt có sức chứa đến 40 hành khách.</p> <p>2. Bảo dưỡng định kỳ là công việc dự phòng được tiến hành bắt buộc sau một chu kỳ vận hành nhất định trong quá trình khai thác xe ô tô, theo nội dung công việc quy định nhằm duy trì trạng thái kỹ thuật tốt của xe ô tô. Bảo dưỡng định kỳ được chia thành sáu cấp từ cấp 1 đến cấp 6.</p> <p>3. Chu kỳ bảo dưỡng được tính bằng quãng đường xe chạy hoặc thời gian khai thác giữa hai lần bảo dưỡng kỹ thuật kế tiếp, cùng cấp nhau, tùy theo định ngạch nào đến trước.</p> <p>4. Sửa chữa lớn là những hoạt động hoặc những biện pháp kỹ thuật nhằm khôi phục khả năng hoạt động bình thường của xe ô tô bằng cách phục hồi hoặc thay thế các chi tiết, hệ thống, tổng thành đã bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu dẫn đến hư hỏng.</p> <p>5. Định ngạch sửa chữa lớn: là quy định về quãng đường xe chạy (km) giữa các lần sửa chữa lớn.</p> <p>6. Định ngạch sử dụng lốp: là quy định về quãng đường xe chạy (km) của một đời lốp.</p> <p>7. Định ngạch sử dụng bình điện: là quy định về thời gian hoặc quãng đường xe chạy (km) của một đời bình điện.</p>	
<p>Điều 3.</p>	<p>Nội dung định mức</p> <p>Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện bao gồm các thành phần sau:</p> <p>1. Định mức lao động: Là số ngày công lao động (giờ lao động) của công nhân lái xe, nhân viên bán vé thực hiện công tác vận tải hành khách bằng xe buýt điện trong ngày, tháng, năm; số giờ công của công nhân trực tiếp cần thiết để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác bảo dưỡng, sửa chữa xe</p>	<p>Nội dung của định mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định mức lao động; - Định mức tiêu hao vật tư; - Định mức tiêu hao nhiên liệu (năng lượng).

	<p>buýt điện.</p> <p>2. Định mức tiêu hao vật tư: là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ trực tiếp cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc bảo dưỡng, sửa chữa xe buýt điện.</p> <p>3. Định mức tiêu hao năng lượng: là lượng năng lượng điện chính trực tiếp cần thiết để vận hành một cự ly xác định của xe buýt điện.</p>	
Điều 4.	<p>Hướng dẫn áp dụng</p> <p>1. Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước quản lý đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt điện.</p> <p>2. Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện được áp dụng cho xe buýt nhập khẩu, xe buýt lắp ráp tại Việt Nam.</p>	Hướng dẫn áp dụng
Điều 5.	Định mức khấu hao phương tiện: 10 năm	Quy định về khấu hao phương tiện
Điều 6.	<p>Định mức lao động, tiền lương của lái xe và nhân viên phục vụ</p> <p>1. Định mức lao động của lái xe và nhân viên phục vụ</p> <p>2. Định mức tiền lương của lái xe và nhân viên phục vụ</p>	Quy định về định mức lao động, tiền lương của lái xe và nhân viên phục vụ
Điều 7.	<p>Định mức tiêu hao năng lượng điện (kwh/100km):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe buýt điện nhỏ: 45,8 - Xe buýt điện trung bình: 64,3 - Xe buýt điện lớn: 73 	Quy định về định mức tiêu hao năng lượng điện trên 100 km xe chạy.

Điều 8.	Định mức bảo dưỡng, sửa chữa 1. Bảo dưỡng định kỳ 6 cấp từ cấp 1 đến cấp 6, sửa chữa lớn 2. Định ngạch sử dụng lốp 3. Định ngạch sử dụng bình điện	Quy định về định mức bảo dưỡng, sửa chữa
Điều 9.	Định mức quản lý, vận hành 1. Chi phí cho hoạt động quản lý, điều hành (chi phí quản lý chung) bằng 6,5% tổng chi phí trực tiếp. 2. Chi phí quản lý, vận hành áp dụng khoa học công nghệ (thiết bị giám sát hành trình, các trang thiết bị và phần mềm kiểm soát, camera lắp trên phương tiện...) bao gồm chi phí bảo dưỡng duy trì hệ thống khoa học công nghệ và trường hợp thiết bị hư hỏng phải đầu tư thay thế. Khoản chi phí được tính bằng 0,9% chi phí trực tiếp.	Quy định về định mức quản lý, vận hành
Điều 10.	Định mức chi phí khác 1. Định mức Trạm sạc: 3,99 2. Định mức chi phí huy động phương tiện: Tính trên cơ sở số kilomet xe buýt điện di chuyển thực tế từ bãi đỗ xe buýt đến điểm đầu của tuyến để thực hiện hành trình và ngược lại. 3. Lợi nhuận định mức: 5%	Quy định về định mức chi phí khác
Điều 11.	Điều khoản thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Quy định về điều khoản thi hành

Điều 12.	Trách nhiệm thi hành Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	Quy định về trách nhiệm thi hành
-----------------	---	----------------------------------